TOÀ ÁN ND TP THÁI NGUYÊN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:04/ 2021/QĐST-HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày 06 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án thụ lý số 830/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020, giữa:

+Nguyên đơn: **Chị Trương Thị Quỳnh Trang,** sinh năm 1991;

ĐKHK:Tổ 06, phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên;

Nơi ở: Tổ 10, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên;

+ Bị đơn: **Anh Dương Hoàng Giang,** sinh năm 1991;

ĐKHK và ở:Tổ 06, phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên;

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 51,55 ,58,81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 146, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326 /2016 /UBTV QH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị Quỳnh T và anh Dương Hoàng G ;

2.Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trương Thị Quỳnh T và anh Dương Hoàng G xác định tình cảm vợ chồng không còn và thuận tình ly hôn;

** Về con chung:* Chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Dương Đức M, sinh ngày 23/3/2018 đến khi 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh G đi lại thăm nom chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật và cấp dưỡng nuôi con cùng chị T là 2.000.000 đ (hai triệu đồng)/ tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/01/2021;

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực, chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh G không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nói trên, hàng

tháng anh G còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự , thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

**Về tài sản chung,nợ chung*:Các đương sự không yêu cầuTòa án giải quyết.

**Về án phí sơ thẩm*: Chị T tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm để nộp vào Ngân sách Nhà nước (chuyển từ Tiền tạm ứng án phí- lệ phí sang, theo biên lai thu số 000 3651 ngày 22/10/2020);

3**.**Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND TPTN;
- TAND tỉnh TN;
- T.H.A DS TPTN;
- Các đương sự;
- UBND p. Tân Thịnh TP Thái Nguyên;
-Lưu HS;

THẨM PHÁN

Hoàng Thúy Kiên